

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM GIÀNG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 16/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 08-8-2022.
“Về việc Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Vân Hà.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Hoàng Hồng Hà và ông Nguyễn Quang Miên.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Mạnh Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Xoa - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 87/2022/TLST- HNGĐ, ngày 04 tháng 5 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2022/QĐXXST- HNGĐ, ngày 01 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2022/QĐST- HNGĐ, ngày 18 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Đức H, sinh năm 1973 (*có đơn xin xét xử vắng mặt*).

ĐKKH và cư trú: Thôn N, thị trấn LC, huyện CG, tỉnh Hải Dương.

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị X, sinh năm 1977 (*vắng mặt*).

ĐKKH và cư trú: Thôn N, thị trấn LC, huyện CG, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Đức H trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị X được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Lai Cách vào ngày 07/4/1997 và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương. Anh chị sống hạnh phúc được khoảng 10

năm thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị không hòa hợp, bất đồng về quan điểm, tính cách dẫn đến không tìm được tiếng nói chung thường xuyên xảy ra xích mích cãi vã nhau. Mâu thuẫn của anh chị kéo dài suốt một thời gian dài, không có biện pháp gì hàn gắn tháo gỡ, hai bên gia đình đều biết mâu thuẫn và cũng đã hòa giải cho anh chị nhưng không đạt kết quả mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc anh và chị X sống ly thân mỗi người một nơi. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân anh chị đều không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm. Nay anh xác định tình cảm không còn, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống cùng nhau được nữa, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị X để sớm ổn định cuộc sống riêng của mình.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Thị PA, sinh ngày 11/3/1998 và Nguyễn Thị NA, sinh ngày 31/12/2000. Hiện các con chung đã thành niên nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tiến hành tố tụng, từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần chị X đều không đến Tòa án làm việc, không thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Khi Tòa án cùng đại diện chính quyền địa phương đến tận nhà chị X để tổng đạt trực tiếp, lấy lời khai thì chị X đi làm không có nhà nên không ghi được lời khai của chị X, đồng thời Tòa án làm thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả mở phiên họp; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa.

Tại biên bản lấy lời khai đại diện gia đình anh H trình bày: Anh H và chị X được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Lai Cách. Gia đình nắm bắt được mâu thuẫn vợ chồng một phần là do anh H ham chơi không chịu khó làm ăn, không quan tâm có trách nhiệm gì đến gia đình. Anh chị sống ly thân mỗi người một nơi, anh H chuyển ra ngoài sinh sống, chị X vẫn ở ngôi nhà mà vợ chồng xây dựng. Năm 2021, anh H cũng đã nộp đơn ly hôn tại Tòa án, sau đó anh H rút đơn nhưng vợ chồng không chung sống cùng nhau. Nay gia đình được biết anh H tiếp tục ly hôn với chị X gia đình tôn trọng quyết định của anh chị. Về quan hệ con chung của anh chị đều đã trưởng thành, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tòa án tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương thì thấy: Anh H và chị X kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn

Lai Cách, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương vào ngày 07/4/1997. Anh chị đều đăng ký hộ khẩu và cư trú tại Thôn N, thị trấn LC, huyện CG, tỉnh Hải Dương chưa làm thủ tục chuyển khẩu đi nơi khác Qua theo dõi thực tế tại địa PA chị sống ly thân với nhau từ nhiều năm nay mỗi người một nơi. Quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật làm sao đảm bảo quyền lợi cho các đương sự.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn. Bị đơn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 147; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Đức H ly hôn chị Nguyễn Thị X.

+ Về án phí: Anh Nguyễn Đức H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: Đơn khởi kiện của anh Nguyễn Đức H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, xác định đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chị Nguyễn Thị X có nơi cư trú tại thôn Thôn N, thị trấn LC, huyện CG, tỉnh Hải Dương. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các biện pháp để thu thập chứng cứ như: Triệu tập hợp lệ chị X, niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng chị X đều vắng mặt và không có ý kiến bằng văn bản gửi Tòa án liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Nguyên đơn anh H đã có lời khai trình bày quan điểm giải quyết vụ án và có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh H, chị X.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh H, chị X kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Lai Cách vào ngày 07/4/1997 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được 10 năm thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách vợ chồng không hòa hợp, bất đồng về quan điểm, về kinh tế nên anh chị thường xuyên xảy ra cãi vã, mâu thuẫn vợ chồng kéo dài. Khi nảy sinh mâu thuẫn, anh chị không tìm cách hàn gắn, tháo gỡ mà sống ly thân mỗi người sống một nơi, không quan tâm đến nhau. Tháng 10 năm 2021 anh H làm đơn ly hôn tại Tòa án, sau đó rút đơn nhưng vợ chồng không chung sống cùng nhau. Lời trình bày về mâu thuẫn của anh H phù hợp với lời trình bày của gia đình. Theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình thì vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, có nghĩa vụ sống chung với nhau. Hội đồng xét xử nhận thấy hôn nhân giữa anh H và chị X đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu của anh H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận giải quyết cho anh Nguyễn Đức H được ly hôn chị Nguyễn Thị X.

[2.2]. Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có hai con chung là Nguyễn Thị PA, sinh ngày 11/3/1998 và Nguyễn Thị NA, sinh ngày 31/12/2000. Hiện nay con chung của anh chị đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung và công sức: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Đức H được ly hôn chị Nguyễn Thị X.

2. Về tài sản chung, nợ chung và công sức : Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Đức H phải chịu 300.000đồng án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu số AA/2020/0002220 ngày 04/5/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Anh H đã thực hiện xong nghĩa vụ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *VKSND huyện Cẩm Giàng;*
- *UBND thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương (để ghi vào sổ hộ tịch);*
- *Chi cục THADS huyện Cẩm Giàng;*
- *Lưu hồ sơ vụ án; Văn phòng TAND huyện Cẩm Giàng.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Vân Hà